Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ
Sao y; UBND tỉnh Hà Tĩnh; 29/08/2022 11:20:35

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2022/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan thanh tra nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là tập hợp thông tin về việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu được xây dựng, quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ và được tổ chức cập nhật, khai thác tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ thông tin cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin.

3. Bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng thẩm quyền, mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm việc quản lý, vận hành chặt chẽ, an toàn, ổn định và thông suốt.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Cố ý không cập nhật hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu không đầy đủ, không chính xác; làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái pháp luật trong Cơ sở dữ liệu.

2. Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu.

3. Khai thác, sử dụng, tiết lộ thông tin trong Cơ sở dữ liệu trái pháp luật hoặc lợi dụng việc cung cấp thông tin để trục lợi.

4. Phá hủy, phá hoại, làm hư hỏng hoặc hủy hoại hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu.

Chương II
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Mục 1
THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 6. Thông tin được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu

1. Thông tin về tiếp công dân:

a) Họ tên, địa chỉ của công dân;

b) Nội dung, kết quả tiếp công dân.

2. Thông tin về xử lý đơn:

a) Loại đơn: đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, đơn có nhiều nội dung khác nhau;

b) Đơn đủ điều kiện xử lý;

c) Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết;

d) Đơn phải chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền: Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án; Kiểm toán nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo; đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác;

đ) Đơn trả lại và hướng dẫn gửi đơn;

e) Đơn rút;

g) Đơn xếp lưu.

3. Thông tin về khiếu nại:

a) Họ tên, địa chỉ của người khiếu nại;

b) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại;

c) Tóm tắt nội dung khiếu nại và tình hình giải quyết khiếu nại;

d) Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

đ) Kết quả thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

4. Thông tin về tố cáo:

a) Họ tên, địa chỉ của người tố cáo;

b) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tố cáo;

c) Tóm tắt nội dung tố cáo và tình hình giải quyết tố cáo;

d) Kết luận nội dung tố cáo; quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;

đ) Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

5. Thông tin về kiến nghị, phản ánh:

a) Họ tên, địa chỉ của người kiến nghị, phản ánh;

b) Tóm tắt nội dung kiến nghị, phản ánh;

c) Kết quả xử lý kiến nghị, phản ánh.

6. Báo cáo định kỳ, báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh cập nhật theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 7. Nguồn thông tin cập nhật vào Cơ sở dữ liệu

1. Việc tiếp công dân, xử lý đơn; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kiến nghị, phản ánh; vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại, vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

2. Vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

3. Vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được cập nhật theo văn bản yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 8. Thời điểm nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu

1. Đối với trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm bắt đầu cập nhật ngay sau khi có thông báo thụ lý khiếu nại, quyết định thụ lý tố cáo hoặc tiếp nhận xử lý kiến nghị, phản ánh và cập nhật trong quá trình tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh.

2. Đối với trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm cập nhật trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

3. Đối với trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều 6 và khoản 3 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm cập nhật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 9. Cập nhật bổ sung, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện thông tin trong Cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chính xác hoặc có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ bằng giấy thì cơ quan cập nhật dữ liệu phải tiến hành kiểm tra, cập nhật bổ sung, điều chỉnh.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 10. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Tổ chức xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật, quản trị hệ thống Cơ sở dữ liệu.

2. Giao Ban Tiếp công dân trung ương thực hiện việc cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh vào Cơ sở dữ liệu. Các đơn vị khác thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu những vụ việc được giao chủ trì giải quyết vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ Cơ sở dữ liệu do mình cập nhật, quản lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn việc cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; chuẩn hóa và hướng dẫn kết nối, đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

5. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

6. Thực hiện chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo; phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu với hệ thống báo cáo của Chính phủ, Trung tâm Thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 11. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền vào Cơ sở dữ liệu.

2. Tổ chức, chỉ đạo cập nhật, thông báo kịp thời khi có sự thay đổi hoặc có sai sót thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong phạm vi quản lý của mình cung cấp thông tin để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

4. Quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do cơ quan mình cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

5. Cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ Cơ sở dữ liệu do mình cập nhật, quản lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

6. Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động thu thập, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình.

7. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm theo thẩm quyền việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp

1. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

2. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương mình.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do mình thu thập, cung cấp để phục vụ công tác quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu

1. Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu được khai thác thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi cập nhật của cơ quan mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ, các Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

b) Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng ở Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Ban Dân nguyện, Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

c) Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng tỉnh ủy, thành uỷ và các Ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Văn phòng và các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Văn phòng và các ban thuộc quận ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai thác, sử dụng bí mật nhà nước trong Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện yêu cầu bằng văn bản, trong đó xác định rõ nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp, mục đích khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

2. Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu xem xét, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu, bảo đảm đúng nội dung, đối tượng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vì lý do khách quan mà chưa cung cấp được thông tin, dữ liệu theo yêu cầu thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu có quyền từ chối yêu cầu trong các trường hợp sau:

a) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này;

b) Khi có căn cứ cho rằng yêu cầu đó trái pháp luật, vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 16. Trách nhiệm cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

2. Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Đơn vị được giao cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu tại Văn phòng Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

4. Thanh tra huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 17. Quản lý, bảo vệ Cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý Cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, lưu trữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu.

Điều 18. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, ngành, địa phương chuẩn hóa dữ liệu có liên quan từ các cơ sở dữ liệu khác của mình để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Đầu tư xây dựng và duy trì Cơ sở dữ liệu

1. Kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng Cơ sở dữ liệu được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật thông tin, dữ liệu được bố trí từ nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Thanh tra Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, người có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Dân nguyện thuộc UBTVQH;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Ban tiếp công dân trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (3).115

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lê Minh Khái